



Số 27/2015/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 11 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp quản lý công tác tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc UBND tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND&UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03/6/2008;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tổ chức hoạt động quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 163/2013/TTLT-BTC-BNV ngày 15 tháng 11 năm 2013 của liên Bộ: Tài chính, Nội vụ hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế và xếp phụ cấp trách nhiệm công việc kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong các đơn vị kế toán thuộc lĩnh vực kế toán Nhà nước;

Căn cứ Quy định số 11-QĐ/TU ngày 02/10/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu về phân cấp quản lý cán bộ và Quy chế số 04-QC/TU ngày 02/10/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý công tác tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Người đứng đầu tổ chức, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch các tổ chức Hội; Giám đốc các Quỹ; Người quản lý Công ty có vốn nhà nước; Thủ trưởng các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Lai Châu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các tổ chức quỹ, hội cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công ty có vốn của Nhà nước;
- Các cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn tỉnh;
- Báo Lai Châu; Đài PTTH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- TT Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Ngọc An

QUY ĐỊNH

**Về phân cấp quản lý công tác tổ chức bộ máy, biên chế
và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc UBND tỉnh Lai Châu**

*(Kèm theo Quyết định số: **27**/2015/QĐ-UBND ngày **11** tháng **11** năm 2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi chung là các đơn vị thuộc UBND tỉnh), Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện); các tổ chức thuộc các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các Hội, Quỹ, Tổ chức phi chính phủ; doanh nghiệp có vốn của Nhà nước; một số đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP (gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên) trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập nhà nước, tổ chức hội, quỹ.

3. Người đại diện quản lý phần vốn của Nhà nước, Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán trưởng công ty có vốn nhà nước; Chủ tịch, Giám đốc và Kiểm soát viên Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội, Quỹ.

4. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị ngành dọc trung ương quản lý, đại diện Tổ chức phi chính phủ, Hội, Quỹ của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Lai châu.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp quản lý công tác tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ đi đôi với phát huy trách nhiệm, tính năng động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về công tác tổ chức bộ máy, cán bộ trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập nhà nước, tổ chức hội, quỹ; công tác tổ chức, cán bộ của các doanh nghiệp Nhà nước, một số

đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là công tác tổ chức, cán bộ).

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 được quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định tại văn bản này và chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan cấp trên về quyết định của mình; nghiêm cấm gây phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực đối với tổ chức, cơ quan và đối với cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện việc báo cáo với cơ quan quản lý và cấp có thẩm quyền theo quy định.

Các nội dung không thuộc thẩm quyền được phân cấp tại quy định này, phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nội dung phân cấp quản lý

1. Công tác tổ chức bộ máy

a) Thành lập; sáp nhập; chia, tách; giải thể; đổi tên; hợp nhất, chuyển đổi, đình chỉ, tạm đình chỉ, đặt văn phòng đại diện, cho phép hoạt động các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức phi chính phủ, Hội, Quỹ công ty và doanh nghiệp có sử dụng vốn Nhà nước có phạm vi hoạt động trong tỉnh.

b) Xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ban, ngành tỉnh.

c) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp công lập; phê duyệt điều lệ, quy chế các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề; phê duyệt điều lệ tổ chức hội, quy chế hoạt động Quỹ và tổ chức phi chính phủ hoạt động trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Công tác cán bộ, công chức, viên chức

a) Mô tả, xây dựng, xác định số lượng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng viên chức làm việc tương ứng.

b) Tuyển dụng công chức, viên chức; bố trí, phân công cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP.

c) Đánh giá, phân loại, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng.

d) Khen thưởng, kỷ luật.

e) Chế độ tiền lương và các loại phụ cấp, chuyển ngạch, nâng ngạch; thay đổi chức danh nghề nghiệp và thăng hạng viên chức; nghỉ hưu, thôi việc.

f) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chuyển công tác, chuyển đổi vị trí công tác, biệt phái, hiệp thương, miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, giáng chức, cách chức.

g) Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại tố cáo trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

h) Thực hiện báo cáo, thống kê, lưu trữ và quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên.

Chương II **CÔNG TÁC TỔ CHỨC BỘ MÁY**

Điều 4. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định thành lập; sáp nhập; chia, tách; giải thể; đổi tên các cơ quan chuyên môn và tương đương trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn và tương đương trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; các tổ chức hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ngành tỉnh theo hướng dẫn của Chính phủ, Bộ, ngành trung ương quy định.

2. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn và tương đương trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Cho phép thành lập, giải thể, cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước.

4. Quyết định xếp hạng công ty có vốn nhà nước; các doanh nghiệp hạng II, hạng III.

5. Quyết định hủy bỏ các quyết định của cơ quan, địa phương về thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập trái với quy định của pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cho phép thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt điều lệ của các tổ chức hội, quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh; cho phép Tổ chức phi chính phủ, Hội, Quỹ trung ương, khu vực đặt văn phòng đại diện tại tỉnh, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh.

2. Quyết định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định hủy bỏ các quyết định của cơ quan, địa phương về thành lập các tổ chức Hội trái với quy định của pháp luật.

Điều 6. Thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ

Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại Điều 4, Điều 5 quy định này.

Điều 7. Thẩm quyền của Giám đốc sở và tương đương

1. Xây dựng đề án thành lập; sáp nhập; chia, tách; giải thể; đổi tên các phòng, ban chuyên môn thuộc sở, các tổ chức trực thuộc theo quy định của pháp luật và gửi về Sở Nội vụ thẩm định; xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của sở, ngành trình Sở Nội vụ thẩm định.

2. Công nhận Ban vận động thành lập hội hoạt động thuộc ngành, lĩnh vực.

3. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ thuộc sở.

Điều 8. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, đình chỉ hoặc cho phép hoạt động trở lại đối với đơn vị sự nghiệp công lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các cơ quan đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật, kể cả các trường ngoài công lập, các cơ sở giáo dục có sự tham gia đầu tư của các tổ chức, cá nhân nước ngoài (trong đó không có cấp học trung học phổ thông).

3. Quyết định thành lập; kiện toàn; giải thể các tổ chức thuộc ngành mang tính phối hợp liên ngành cấp huyện, gồm: Hội đồng, ban chỉ đạo, ban điều hành.

4. Xây dựng đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

5. Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động; cho phép hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ; công nhận đủ điều kiện hoạt động; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập; giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức phi chính phủ, hội, quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, xã.

Chương III PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÔNG TÁC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

MỤC 1: XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ BIÊN CHẾ

Điều 9. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trình Bộ Nội vụ phê duyệt đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đề án vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh.

2. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tổng biên chế hành chính trong các cơ quan, tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức Hội hàng năm của tỉnh sau khi có quyết định giao biên chế của Bộ Nội vụ.

Điều 10. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính, số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp, các tổ chức Hội, quỹ với các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tổng biên chế, số lượng người làm việc thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Quyết định hủy bỏ các Quyết định phân bổ biên chế hành chính, số người làm việc cho các phòng, ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc trái với quy định của pháp luật.

Điều 11. Thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung tại Điều 9, Điều 10 quy định này.

2. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức. Thẩm định và tổng hợp đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nội vụ phê duyệt.

3. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức Hội, quỹ.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp thuộc thẩm quyền.

6. Tổng hợp, thống kê, báo cáo biên chế, số lượng người làm việc và việc thực hiện biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Thẩm quyền của UBND cấp huyện, Giám đốc sở và tương đương

1. Xây dựng đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của cơ quan, đơn vị trực thuộc gửi Sở Nội vụ.

Sau khi đề án vị trí việc làm được phê duyệt, hàng năm các cơ quan, đơn vị có thay đổi về tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ thì xây dựng đề án điều chỉnh vị trí việc làm gửi Sở Nội vụ tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ phê duyệt.

2. Phân bổ biên chế hành chính, số lượng người làm việc cho các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

MỤC 2: CÔNG TÁC TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH 68/2000/NĐ-CP

Điều 13. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng công chức, viên chức.

Điều 14. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định thành lập Hội đồng và Ban Giám sát tuyển dụng công chức, viên chức của tỉnh; quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch, tiếp nhận không qua thi tuyển đối với công chức và cán bộ công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên và Hội đồng xét chuyển viên chức thành công chức.

2. Quyết định công nhận kết quả tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận đối với trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức, xét chuyển viên chức thành công chức, cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên.

3. Quyết định hủy bỏ các quyết định của cơ quan, địa phương về công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức trái với quy định của pháp luật.

Điều 15. Thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung tại Điều 13 và Điều 14 quy định này.

2. Quyết định tuyển dụng công chức, viên chức khi có quyết định phê chuẩn kết quả tuyển dụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP.

3. Quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương cho công chức và quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp cho viên chức đạt yêu cầu sau thời gian tập sự.

4. Quyết định hủy quyết định tuyển dụng công chức, viên chức khi phát hiện có sai phạm trong tuyển dụng hoặc cá nhân không đến nhận quyết định, không chấp hành sự phân công, điều động của tổ chức; công chức không hoàn thành nhiệm vụ hoặc bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên trong thời gian tập sự.

5. Quyết định điều động công chức, viên chức giữa các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố; tiếp nhận, chuyển chuyển công chức, viên chức; Quyết định chuyển viên chức thành công chức; cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên theo quy định (sau khi có kết quả phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh).

6. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy thực hiện quy trình chuyển công tác cho cán bộ, công chức, viên chức khỏi Nhà nước sang công tác tại các cơ quan khỏi Đảng, đoàn thể và ngược lại.

7. Quyết định tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức từ các đối tượng thuộc diện thu hút theo danh mục ngành, nghề thu hút theo quyết định của UBND tỉnh.

8. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy thực hiện nhận xét, đánh giá đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy quản lý trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; tổ chức xã hội; doanh nghiệp nhà nước trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh trình Ban cán sự Đảng UBND tỉnh xem xét trình Ban Thường vụ hoặc Thường trực Tỉnh ủy.

9. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND huyện, thành phố tham mưu nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định. Tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức, cán bộ trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định.

10. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hủy bỏ các quyết định của cơ quan, địa phương về công tác tổ chức cán bộ, công chức, viên chức trái với quy định của pháp luật.

11. Thanh tra, kiểm tra việc thi hành các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện; hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện các quy định về công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực quản lý cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và nhân viên. Hướng dẫn việc quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

Điều 16. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc Sở và tương đương

1. Hàng năm tổng hợp số lượng, nhu cầu cần tuyển dụng công chức, viên chức phù hợp với trình độ, chuyên môn, cơ cấu ngạch và vị trí việc làm cần tuyển dụng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

2. Quyết định cử người hướng dẫn tập sự hoặc giao cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý công chức, viên chức (cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân) hướng dẫn tập sự đối với công chức, viên chức.

3. Đề nghị Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm vào ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức đối với công chức, viên chức đạt yêu cầu sau thời gian tập sự và hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với công chức tập sự không hoàn thành nhiệm vụ hoặc bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên trong thời gian tập sự; Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. Thanh toán chế độ trợ cấp thôi việc theo quy định.

4. Điều động, luân chuyển công chức sang công chức, viên chức sang viên chức trong phạm vi quản lý. Trình UBND tỉnh xét chuyển viên chức sang công chức; cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên (qua Sở Nội vụ). Đề nghị Sở Nội vụ xem xét, cho ý kiến điều động từ công chức sang viên chức, chuyển công tác cho cán bộ, công chức, viên chức khối Nhà nước sang công tác tại các cơ quan khối Đảng, đoàn thể. Điều động, luân chuyển công chức sang viên chức sau khi có thông báo của Sở Nội vụ.

5. Tham mưu nhận xét, đánh giá các chức danh cán bộ lãnh đạo của ngành, huyện, thành phố thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh.

6. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm đánh giá cấp phó của người đứng đầu và công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước và hướng dẫn của tỉnh (trừ các chức danh thuộc Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý).

Chỉ đạo, thực hiện và tổng hợp kết quả đánh giá phân loại công chức, viên chức, cán bộ công chức cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý hàng năm, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ).

7. Thực hiện việc lập hồ sơ và lưu giữ hồ sơ cá nhân của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên của cơ quan, đơn vị;

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên của cơ quan, đơn vị.

MỤC 3: CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 17. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ban hành chế độ khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức không ngừng học tập nâng cao trình độ, năng lực công tác; bố trí kinh phí bảo đảm hoạt động đào tạo, bồi dưỡng.

2. Ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thuộc phạm vi quản lý.

3. Tổ chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định; báo cáo kết quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm để Bộ Nội vụ theo dõi, tổng hợp.

4. Tổ chức quản lý, biên soạn, thẩm định, đánh giá, phê duyệt, ban hành và hướng dẫn thực hiện chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng trong phạm vi trách nhiệm được giao.

5. Các cơ sở đào tạo ngoài tỉnh khi vào địa phương thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng phải có ý kiến phê duyệt của UBND tỉnh.

Điều 18. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý khối nhà nước quy định tại Khoản 1, Điều 17 quy định này tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ sau khi có thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

2. Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi ôn, dự thi đào tạo sau đại học; đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, học tập ở nước ngoài; bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương trở lên trong kế hoạch hoặc đề án đào tạo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quyết định hủy bỏ các quyết định của cơ quan, địa phương cử đi đào tạo bồi dưỡng trái với quy định của pháp luật.

Điều 19. Thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung thuộc Điều 17 và Điều 18 quy định này.

2. Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức không thuộc đối tượng tại Khoản 1 Điều 25 quy định này tham gia bồi dưỡng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương. Riêng đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh và các huyện, thành phố và cán bộ lãnh đạo quản lý có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,5 đến dưới 0,6 quyết định sau khi thỏa thuận với Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

3. Phối hợp với Sở Ngoại vụ hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ cử cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Khoản 1, 2 Điều 18 quy định này đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài hoặc cơ sở đào tạo trong nước có yếu tố nước ngoài.

4. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đào tạo trong phạm vi thẩm quyền được giao quản lý.

Điều 20. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc Sở và tương đương

1. Xây dựng phương án, đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở quy hoạch cán bộ của cơ quan, đơn vị gửi Sở Nội vụ trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Hàng năm điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gửi về Sở Nội vụ trước ngày 25/01 để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ ... ở các cơ sở trong tỉnh, ngoài tỉnh không thuộc Khoản 1 Điều 25, Điều 18 và Điều 19 quy định này và báo cáo danh sách (theo định kỳ 6 tháng đầu năm và cuối năm) và gửi quyết định cử đi học về Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp.

4. Quyết định cho phép cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý tự đi đào tạo dài hạn hoặc ngắn hạn ở trong nước để nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đang đảm nhiệm theo quy định;

5. Đề xuất việc biên soạn và lựa chọn chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với vị trí việc làm của công chức, viên chức.

6. Tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

MỤC 4: CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP, NÂNG NGẠCH, CHUYỂN NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG, CHUYỂN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

Điều 21. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Phê duyệt kế hoạch thi nâng ngạch công chức từ ngạch nhân viên lên ngạch cán sự và tương đương; từ ngạch nhân viên, ngạch cán sự và tương đương lên ngạch chuyên viên và tương đương.

2. Phê duyệt kế hoạch thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III.

3. Quyết định thành lập Hội đồng, Ban Giám sát thi nâng ngạch công chức, Hội đồng, Ban Giám sát thi hoặc xét thăng hạng viên chức.

Điều 22. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định thành lập Hội đồng xét chuyển ngạch Thanh tra, bổ nhiệm ngạch Thanh tra viên, Thanh tra viên chính.

2. Chỉ đạo tổ chức thi nâng ngạch công chức lên ngạch cán sự, chuyên viên và tương đương.

3. Chỉ đạo tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III (sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ).

4. Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với:

a) Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (sau khi có thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

b) Các chức danh: Giám đốc Nhà khách Hương Phong, Giám đốc Ban Quản lý trung tâm Hành chính Chính trị tỉnh, Giám đốc Ban Quản lý dự án các công trình của tỉnh.

5. Quyết định cho cán bộ, công chức tham dự kỳ thi nâng ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm ngạch Thanh tra viên, Thanh tra viên chính; quyết định bổ nhiệm ngạch, chuyển ngạch đối với ngạch chuyên viên chính và tương đương theo quy định của pháp luật.

6. Quyết định cho viên chức tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên từ hạng II trở lên; nâng lương, bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng II trở lên và xét thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I, hạng II.

7. Công nhận kết quả thi nâng ngạch công chức từ ngạch nhân viên lên ngạch cán sự và tương đương; từ ngạch nhân viên, ngạch cán sự và tương đương lên ngạch chuyên viên và tương đương; kết quả thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III.

8. Quyết định hủy bỏ các quyết định của cơ quan, địa phương nâng bậc lương trái với quy định của pháp luật.

Điều 23. Thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại Điều 21 và Điều 22 quy định này.

2. Thẩm định và thông báo đến các cơ quan, đơn vị quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung và các loại phụ cấp khác đối với cán bộ, công chức, viên chức (trừ các đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều 22 quy định này).

3. Quyết định bổ nhiệm vào ngạch khi công chức đạt kỳ thi nâng ngạch, quyết định chuyển ngạch công chức khi công chức có thay đổi vị trí việc làm hoặc chuyển đổi vị trí công tác mà ngạch đang giữ không phù hợp với yêu cầu

ngạch của vị trí việc làm mới đối với ngạch từ chuyên viên và tương đương trở xuống.

4. Quyết định bổ nhiệm vào chức danh viên chức sau khi đạt kết quả thi hoặc xét thăng hạng, xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III, hạng IV.

Điều 24. Thẩm quyền của Giám đốc sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức xét, đề nghị Sở Nội vụ thẩm định việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung và các phụ cấp khác đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị. Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung và các phụ cấp khác đối với cán bộ, công chức, viên chức (trừ đối tượng thuộc Khoản 4 Điều 22 quy định này) sau khi có thông báo của Sở Nội vụ. Định kỳ báo cáo Sở Nội vụ kết quả nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung, các phụ cấp khác của cơ quan, đơn vị theo quy định.

2. Đăng ký cho cán bộ, công chức, viên chức tham dự thi nâng ngạch công chức hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức gửi Sở Nội vụ.

3. Đề nghị Sở Nội vụ quyết định chuyển ngạch công chức khi công chức có thay đổi vị trí việc làm hoặc chuyển đổi vị trí công tác mà ngạch đang giữ không phù hợp với yêu cầu ngạch của vị trí việc làm mới; xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức khi viên chức chuyển từ chức danh nghề nghiệp này sang chức danh nghề nghiệp khác cùng hạng.

MỤC 5: CÔNG TÁC BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI, ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN, CHUYỂN CÔNG TÁC, CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC, BIỆT PHÁI, HIỆP THƯƠNG, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM, TỪ CHỨC, GIÁNG CHỨC, CÁCH CHỨC ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VC

Điều 25. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định các nội dung quy định tại Điểm f Khoản 2 Điều 3 quy định này đối với cán bộ, công chức, viên chức, gồm:

a) Chánh, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc các Sở và tương đương; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng; Phó Giám đốc, Giám đốc Bệnh viện huyện, tỉnh.

b) Người đại diện quản lý phần vốn của Nhà nước, Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán trưởng công ty có vốn nhà nước; Chủ tịch, Giám đốc và Kiểm soát viên công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Công chức, viên chức quản lý có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,6 trở lên (trừ hiệu trưởng, hiệu phó các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non thuộc các huyện, thành phố).

c) Chủ tịch, Phó Chủ tịch của các tổ chức hội, quỹ, lãnh đạo tổ chức phi chính phủ cấp tỉnh.

d) Phê chuẩn kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên UBND các huyện, thành phố.

2. Chuyển công tác ra ngoài tỉnh đối với chuyên viên chính từ bậc 5 trở lên và tương đương; thạc sĩ, tiến sĩ và tương đương; nghệ sĩ ưu tú, thầy thuốc ưu tú, nhà giáo ưu tú.

3. Trình Thủ tướng Chính phủ: Phê chuẩn kết quả bầu cử thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh; miễn nhiệm, điều động, cách chức, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; phê chuẩn việc miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên khác của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kế toán trưởng thuộc đơn vị kế toán cấp I.

5. Hiệp ý, cho ý kiến bổ nhiệm cấp trưởng, cấp phó các cơ quan, đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

6. Quyết định hủy bỏ các quyết định của cơ quan, địa phương về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức trái với quy định của pháp luật.

Điều 26. Thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung quy định tại Điều 25 quy định này.

2. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các cơ quan có liên quan thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo thuộc diện Thường trực, Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và các chức danh cán bộ lãnh đạo quản lý có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,6 trở lên sau khi có thông báo của Tỉnh ủy; giới thiệu nhân sự Chủ tịch, Phó Chủ tịch của các tổ chức Hội, Quỹ cấp tỉnh; lãnh đạo Tổ chức phi chính phủ; Người đại diện quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp; tham mưu Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến.

3. Thẩm định hồ sơ và thỏa thuận với Ban Tổ chức Tỉnh ủy quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm đối với Trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân

dân các huyện, thành phố, cán bộ lãnh đạo quản lý có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,5 đến dưới 0,6 và chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo từ hành chính sang sự nghiệp và ngược lại; (trừ hiệu trưởng, hiệu phó các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non thuộc các huyện, thành phố); chuyển ra ngoài tỉnh đối với trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, chuyên viên chính từ bậc 1 đến bậc 4.

4. Quyết định chuyển ra ngoài tỉnh đối với trưởng các phòng ban chuyên môn của các sở, ban, ngành, chuyên viên chính từ bậc 1 đến bậc 4 sau khi có thông báo của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

5. Quyết định chuyển ra ngoài tỉnh đối với trưởng các phòng ban chuyên môn của các huyện, thành phố, chuyên viên chính từ bậc 1 đến bậc 4 sau khi có thông báo của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Điều 27. Thẩm quyền của Giám đốc sở và tương đương

1. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung về công tác cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 25 và Điều 26 quy định này qua Sở Nội vụ.

2. Quyết định bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm đối với cấp phó các Trung tâm, Chi cục, các chức danh lãnh đạo thuộc sở có phụ cấp chức vụ từ 0,5 đến dưới 0,6 và chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo từ hành chính sang sự nghiệp và ngược lại sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

3. Quyết định điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm đối với công chức, viên chức từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở xuống, Quyết định chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cùng khối hành chính hoặc cùng khối sự nghiệp.

4. Quyết định bố trí phụ trách kế toán các đơn vị kế toán chưa có người đủ tiêu chuẩn và điều kiện để bổ nhiệm kế toán trưởng theo quy định.

5. Trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm Phó Thủ trưởng đơn vị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kế toán trưởng đơn vị kế toán cấp II, III.

Điều 28. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện nội dung tại Khoản 3 Điều 27 của quy định này.

2. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý cấp trưởng phòng, ban và tương đương trở xuống (riêng đối với chức vụ Trưởng phòng, ban và tương đương, các chức

danh lãnh đạo có phụ cấp chức vụ từ 0,5 đến dưới 0,6 và công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo từ hành chính sang sự nghiệp và ngược lại phải có Thông báo của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, trừ hiệu trưởng, hiệu phó các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non thuộc các huyện, thành phố); Quyết định điều động, luân chuyển Phó trưởng phòng trở xuống, Quyết định chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cùng khối hành chính hoặc cùng khối sự nghiệp.

3. Dự kiến nhân sự Chủ tịch hội, quỹ cấp huyện gửi Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy xem xét.

4. Giới thiệu nhân sự Phó Chủ tịch của các tổ chức hội, quỹ cấp huyện.

5. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kế toán trưởng, bố trí phụ trách kế toán đối với đơn vị kế toán ngân sách và tài chính xã, phường, thị trấn sau khi có ý kiến của Phòng Nội vụ và phòng Tài chính huyện, thành phố.

MỤC 6: NGHỈ HƯU, THÔI VIỆC

Điều 29. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định nghỉ hưu, cho thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý quy định tại Khoản 1, Điều 25 quy định này.

2. Quyết định nghỉ hưu đối với chuyên viên chính từ bậc 5 trở lên và tương đương; thạc sĩ, tiến sĩ và tương đương; nghệ sĩ ưu tú, thầy thuốc ưu tú, nhà giáo ưu tú.

3. Quyết định hủy bỏ các quyết định của cơ quan, địa phương về nghỉ hưu, thôi việc trái với quy định của pháp luật.

Điều 30. Thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại Điều 29 quy định này.

2. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy xem xét nghỉ hưu, thôi việc đối với lãnh đạo, quản lý trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố.

Điều 31. Thẩm quyền của Giám đốc sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nội vụ cho thôi việc, nghỉ hưu đối với các đối tượng thuộc Khoản 1, Điều 25 của quy định này.

2. Quyết định nghỉ hưu, cho thôi việc đối với công chức, viên chức, nhân viên giữ chức vụ từ phó trưởng phòng cấp sở, cấp huyện trở xuống. Quyết định nghỉ hưu, thôi việc đối với công chức, viên chức giữ chức danh lãnh đạo, quản

lý trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, cán bộ lãnh đạo quản lý hệ số chức vụ từ 0,5 đến dưới 0,6; chuyên viên chính từ bậc 1 đến bậc 4 sau khi có thông báo của Ban Tổ chức Tỉnh ủy đồng thời gửi quyết định về Sở Nội vụ và Ban Tổ chức Tỉnh ủy theo dõi.

MỤC 7: KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 32. Khen thưởng

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định tặng Bằng khen cho tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, lập thành tích đột xuất hoặc có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề theo quy định.

b) Quyết định tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, cờ thi đua, tập thể lao động xuất sắc cho tập thể và cá nhân theo quy định hiện hành.

c) Xem xét, xác nhận thành tích, đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”; “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”; trình Thủ tướng Chính phủ, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng huân chương, huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, danh hiệu vinh dự nhà nước cho các tập thể, cá nhân theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng.

d) Quyết định hủy bỏ các quyết định của cơ quan, địa phương về khen thưởng trái với quy định của pháp luật.

e) Giải quyết, khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về khen thưởng.

2. Thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ

a) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 điều này.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong toàn tỉnh.

c) Xem xét, thẩm định hồ sơ và trình các cấp khen thưởng theo quy định hiện hành.

3. Thẩm quyền của Giám đốc sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã

a) Quyết định khen thưởng và đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng cho tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, lập được thành tích đột xuất hoặc có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua chuyên đề theo quy định.

b) Quyết định tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở” danh hiệu “Lao động tiên tiến; “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu thôn, bản, tổ dân phố văn hóa.

Điều 33. Kỷ luật

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Khoản 1 Điều 25 của quy định này.

b) Quyết định buộc thôi việc đối với chuyên viên chính từ bậc 5 trở lên và tương đương; thạc sĩ, tiến sĩ và tương đương; nghệ sĩ ưu tú, thầy giáo ưu tú, nhà giáo ưu tú trở lên.

c) Quyết định hủy bỏ các quyết định của cơ quan, địa phương về kỷ luật trái với quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ

a) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung thuộc Khoản 1 Điều này.

b) Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy xem xét buộc thôi việc đối với trưởng các phòng ban chuyên môn sở, ban, ngành và tương đương và chuyên chính từ bậc 1 đến bậc 4.

3. Thẩm quyền của Giám đốc sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh: quyết định xử lý kỷ luật cán bộ, công chức quy định tại Khoản 1 Điều 25 của quy định này; buộc thôi việc chuyên viên chính từ bậc 5 trở lên và tương đương; thạc sĩ, tiến sĩ và tương đương; nghệ sĩ ưu tú, thầy thuốc ưu tú, nhà giáo ưu tú trở lên (qua Sở Nội vụ).

b) Trình Sở Nội vụ và Ban Tổ chức Tỉnh ủy cho ý kiến buộc thôi việc đối với trưởng các phòng cấp sở, huyện và tương đương và chuyên chính từ bậc 1 đến bậc 4.

c) Thành lập Hội đồng xét kỷ luật và Quyết định xử lý đối với công chức, viên chức và nhân viên không thuộc đối tượng tại Khoản 1 Điều 25 của quy định này.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 34. Giao trách nhiệm

1. Giám đốc Sở Nội vụ: tham mưu UBND tỉnh ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, người đứng đầu tổ chức, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Trưởng các Hội, Quỹ cấp tỉnh có giao biên chế hoặc được bố trí cán bộ chuyên trách thực hiện và kiểm tra các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm Quy định này.

Điều 35. Chế độ báo cáo

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ về số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ theo đúng quy định.

2. Các quyết định về công tác cán bộ, công chức, viên chức phải gửi về Sở Nội vụ để theo dõi, kiểm tra, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 36. Xử lý vi phạm

1. Người có trách nhiệm trong khi thi hành nhiệm vụ về quản lý cán bộ, công chức, viên chức và công tác tổ chức bộ máy vi phạm Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật. Nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Ngọc An